

Số: 237/2020/QĐST – HNGĐ

*Quận 2, ngày 20 tháng 8 năm 2020*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ Điều 212, 213, 361 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84 và Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 294/2020/TLST-HNGĐ ngày 30/7/2020, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu

Ông Nguyễn Văn Minh Tr, sinh năm: 1988

Địa chỉ: Số 11/6 đường số A, khu phố B, phường T, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Trần Thị H, sinh năm: 1989

Địa chỉ: Số 11/6 đường số A, khu phố B, phường T, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về xác định yêu cầu và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Ông Nguyễn Văn Minh Tr và bà Trần Thị H có yêu cầu thuận tình ly hôn, do đó yêu cầu của ông Tr và bà H là yêu cầu về thuận tình ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do người yêu cầu có nơi cư trú tại Quận 2 nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 35 và điểm h khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về các yêu cầu của các đương sự:

Căn cứ các bản tự khai, biên bản hòa giải có trong hồ sơ vụ việc, Tòa án nhân dân Quận 2 nhận thấy:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 08/2014, quyền số 01/2014 ngày 14/02/2014 tại Ủy ban nhân dân xã S, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thì quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn Minh Tr và bà Trần Thị H là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Trong quá trình chung sống giữa ông Tr và bà H phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm về nhiều vấn đề trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã, không có sự quan tâm, chia sẻ lẫn nhau, cả hai không tìm được nói tiếng chung. Ông Tr và bà H đã nhiều lần cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được. Hiện nay ông Tr và bà H không còn tình cảm gì với nhau, do đó yêu cầu Tòa án giải quyết cho thuận tình ly hôn. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Tr và bà H là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, việc ông Tr, bà H cùng thỏa thuận yêu cầu thuận tình ly hôn là có cơ sở xem xét chấp nhận.

Về con chung: Trong quá trình chung sống ông Tr và bà H có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Tiến X (Nam), sinh ngày 16/5/2014 và Nguyễn Trần Y (Nam), sinh ngày 22/11/2019. Ông Tr và bà H cùng thỏa thuận giao các con chung cho bà H nuôi dưỡng. Hàng tháng, ông Tr đồng ý cấp dưỡng số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng)/tháng đối với mỗi trẻ. Thời gian cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 25 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 25/8/2020 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Tr và bà H không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về lệ phí: Ông Tr tự nguyện chịu lệ phí 300.000 đồng.

Xét thỏa thuận nêu trên của ông Tr, bà H là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không nhằm trốn tránh nghĩa vụ với nhà nước hoặc với người thứ ba. Do đó, công nhận sự thỏa thuận nêu trên của ông Tr, bà H là phù hợp với các quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn Minh Tr và bà Trần Thị H thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 08/2014, quyền số 01/2014 ngày 14/02/2014 tại Ủy ban nhân dân xã S, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu không còn giá trị pháp lý kể từ ngày Tòa án ban hành quyết định.

- Về việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con: Ông Tr và bà H thống nhất giao 02 (hai) con chung tên Nguyễn Tiến X (Nam), sinh ngày 16/5/2014 và Nguyễn Trần Y (Nam), sinh ngày 22/11/2019 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Hàng tháng, ông Tr đồng ý cấp dưỡng số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng)/tháng đối với mỗi trẻ. Thời gian cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 25 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 25/8/2020 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

Các bên thi hành dưới sự giám sát của Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Tr và bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

## 2. Về lệ phí:

Lệ phí việc dân sự sơ thẩm là: 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng Nguyễn Văn Minh Tr tự nguyện chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, ông Tr đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2018/0027828 do Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2 lập ngày 30/7/2020. Ông Tr đã nộp đủ lệ phí, bà H không phải nộp lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

### ***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 2;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2;
- Ủy ban nhân dân xã S, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**(đã ký và đóng dấu)**

**Nguyễn Trung Thực**